

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) với các nội dung như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

- Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số, xã hội số phải đồng bộ với các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời đảm bảo đạt các mục tiêu theo Quyết định số 411/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển kinh tế số với trọng tâm là doanh nghiệp, ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; phát triển kinh tế số góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Phát triển xã hội số nâng cao chất lượng sống của người dân đi đôi với tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với thời đại số, tạo điều kiện cho mọi người tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hóa thế giới, làm giàu đời sống tinh thần của người Việt Nam nói chung và của người Bình Thuận nói riêng.

- Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động của các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức, doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển kinh tế số và xã hội số.

##### **2. Mục tiêu cụ thể phát triển kinh tế số**

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số đạt 75%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

#### b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Kinh tế số chiếm 30% GRDP của tỉnh.
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.
- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số đạt 90%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%.
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%.
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

### **3. Mục tiêu cụ thể phát triển xã hội số**

#### a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 80% hộ gia đình, trường học, bệnh viện.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.
- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 100% hộ gia đình, trường học, bệnh viện.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%.

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

## **II. NHIỆM VỤ**

### **1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số**

a) Hoàn thiện thể chế

- rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; cụ thể hóa các quy định của pháp luật về phát triển kinh tế số, xã hội số để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh.

- Nghiên cứu ban hành chính sách, quy định thúc đẩy các hoạt động trực tuyến diễn ra nhiều hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn; quy định quản lý và phát triển kinh tế số, xã hội số; quy định về hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến.

### b) Phát triển hạ tầng

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, gồm hạ tầng số và hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số có tiềm lực đầu tư phát triển hạ tầng số theo hình thức xã hội hóa và hợp tác công - tư.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân, với trọng tâm là nhanh chóng phổ cập điện thoại thông minh tới mỗi người dân, phổ cập internet cáp quang băng rộng tốc độ cao tới mỗi hộ gia đình, phổ cập dịch vụ điện toán đám mây tới mỗi doanh nghiệp; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng; phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

### c) Phát triển nền tảng số

- Xây dựng các nền tảng số để người dân, doanh nghiệp tương tác với chính quyền các cấp và thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuận lợi trên các thiết bị di động thông minh theo hướng trả lời, giải đáp và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí.

- Phổ biến, giới thiệu các nền tảng hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá để doanh nghiệp lựa chọn sử dụng, nhằm từng bước thực hiện tái cấu trúc, cải tiến, đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện hiệu quả “Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số” trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo Kế hoạch số 2290/KH-UBND ngày 19/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### d) Phát triển dữ liệu

- Tập trung phát triển dữ liệu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số theo Kế hoạch số 1282/KH-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh; hình thành kho dữ liệu tập trung của tỉnh trên cơ sở sử dụng, tích hợp các cơ sở dữ liệu chuyên ngành gắn với triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh; ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

### đ) Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng

- Đảm bảo yêu cầu an toàn thông tin và an ninh mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

- Thực hiện đầu tư đồng bộ trang thiết bị và giải pháp kỹ thuật để giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn và xử lý kịp thời các sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số; ban hành các quy định, quy chế bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng phù hợp cho từng đối tượng tham gia trên môi trường số.

- Phổ biến, triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng; triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn.

#### e) Phát triển nguồn nhân lực số

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp; người lao động trong các doanh nghiệp, khu công nghiệp bằng nhiều hình thức phù hợp. Triển khai hiệu quả Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực Chuyển đổi số Quốc gia trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” theo Kế hoạch số 1252/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phát triển mạng lưới hệ thống thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở.

#### g) Phát triển kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Triển khai nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) để người dân tự học các kỹ năng số hướng tới phổ cập kỹ năng số trong toàn dân; các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số, mỗi người dân đến tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số, và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số; hướng dẫn người dân các kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin, an ninh mạng để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu cá nhân trên môi trường số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông

- Triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên internet.

#### h) Phát triển doanh nghiệp số

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Triển khai hiệu quả Kế hoạch số 2124/KH-UBND ngày 09/6/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 14/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, Công văn số 61/UBND-TTTT ngày 07/01/2022 bổ sung mục tiêu và nội dung triển khai tại Kế hoạch số 2124/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử; triển khai hiệu quả Kế hoạch “Phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2021 - 2025” được ban hành theo Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### i) Phát triển thanh toán số

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chiến lược, đề án quốc gia về thanh toán số, cụ thể: Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025.

- Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1715/KH-UBND ngày 03/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực**

a) Tổ chức triển khai có hiệu quả các lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số đã được xác định trong Kế hoạch số 1282/KH-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU, ngày 18/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các Kế hoạch triển khai chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực đã ban hành.

b) Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực; chuyển dịch từ hoạt động sản xuất, kinh doanh truyền thống sang môi trường số; chuyển đổi số sâu rộng trong hoạt động của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh; phát động và thu hút làn sóng doanh nghiệp công nghệ số đầu tư, phát triển các nền tảng số phục vụ nhu cầu của doanh nghiệp và người dân theo từng ngành, lĩnh vực.

c) Phát triển dữ liệu số của ngành, lĩnh vực; cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất, kinh doanh trong ngành, lĩnh vực tạo động lực, nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

### **III. GIẢI PHÁP**

#### **1. Tổ chức, bộ máy**

a) Kiện toàn tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của các sở, ngành và địa phương.

b) Phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và địa phương trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Rà soát, đánh giá và bố trí phù hợp nguồn nhân lực làm công tác tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số nói chung và phát triển kinh tế số, xã hội số nói riêng trên phạm vi toàn tỉnh; phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng

#### **2. Liên kết, hợp tác và nghiên cứu, phát triển**

a) Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, liên kết hợp tác với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát triển kinh tế số, xã hội đạt kết quả để tham khảo, áp dụng triển khai phù hợp trong tỉnh.

b) Đẩy mạnh hợp tác giữa tổ chức, cơ quan nhà nước với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ số trong nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

c) Triển khai có hiệu quả các chương trình, hoạt động nghiên cứu, phổ biến, ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

#### **3. Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức**

a) Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, các sự kiện, triển lãm trong tỉnh liên quan đến chủ đề về phát triển kinh tế số, xã hội số.

b) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi đến người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số hướng đến nâng cao chất lượng sống của nhân dân và sự phát triển của doanh nghiệp; giới thiệu, hướng dẫn người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số phục vụ trực tiếp người dân và doanh nghiệp; phổ biến các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cơ sở.

c) Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số; hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số.

d) Phát huy hiệu quả hoạt động của trang Thông tin điện tử Chuyển đổi số tỉnh Bình Thuận.

**4. Đảm bảo kinh phí:** Cân đối, phân bổ nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước phù hợp để ưu tiên triển khai các nhiệm vụ, nội dung trọng tâm về phát triển kinh tế số, xã hội số.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Nhiệm vụ chung**

a) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, các tổ chức Hiệp hội: phổ biến, quán triệt các nội dung Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung Kế hoạch này cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đoàn viên, hội viên thuộc phạm vi quản lý bằng các hình thức phù hợp.

b) Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Phổ biến, quán triệt các nội dung Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và nội dung Kế hoạch này cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý bằng các hình thức phù hợp.

- Căn cứ các nội dung, nhiệm vụ được giao, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch theo ngành, lĩnh vực, địa phương (nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch phải đồng bộ, phù hợp với các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và có nội dung liên quan; xác định được nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình thực hiện và kết quả đạt được cụ thể; dự toán và nguồn kinh phí để thực hiện;...). Kế hoạch gửi về Sở Thông tin và Truyền thông **trước ngày 31/12/2022**.

- Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ 06 tháng, năm và đột xuất theo yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định).

### **2. Nhiệm vụ cụ thể**

a) Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh chỉ đạo chung việc triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch này.

b) Sở Thông tin và Truyền thông

- Thực hiện nhiệm vụ Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc các sở, ngành và địa phương triển Kế hoạch này; tổng hợp, đánh giá và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch này (nếu có) cho phù hợp với điều kiện thực tế tỉnh và hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.



c) Sở Tài chính: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch được phân cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng ngân sách của tỉnh; đảm bảo cấp đủ kinh phí sự nghiệp do Trung ương cấp bổ sung để thực hiện nhiệm vụ (nếu có).

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

đ) Các sở, ngành và địa phương có liên quan triển khai các nhiệm vụ trọng tâm kèm theo Kế hoạch này.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, chỉ đạo các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đoàn thể triển khai thực hiện nghiêm túc; tích cực phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để triển khai các nội dung của Kế hoạch.

g) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận, các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, cơ sở giáo dục: Căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch chủ động triển khai các nhiệm vụ; ưu tiên bố trí nguồn kinh phí của đơn vị để triển khai các nhiệm vụ được giao tại cơ quan, đơn vị mình; tích cực phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tổ chức triển khai hiệu quả nội dung của Kế hoạch này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận và các Đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Báo Bình Thuận;
- Các doanh nghiệp BCVT trên địa bàn tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Các trường: ĐH, CĐ, TC;
- Lưu: VT, TTTT Cang.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh**

**PHỤ LỤC 01:**  
**PHÂN CÔNG THEO DÕI, ĐƠN ĐỐC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 4181 /KH-UBND ngày 07 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đơn đốc	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ</b>		
1	Kinh tế số chiếm 20% GRDP của tỉnh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương
3	Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương
4	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng nền tảng số đạt 75%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; hiệp hội doanh nghiệp
5	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp
6	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp
7	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp
<b>II</b>	<b>PHÁT TRIỂN XÃ HỘI SỐ</b>		
1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ tới 80% hộ gia đình, trường học, bệnh viện.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp viễn thông
2	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp viễn thông, CNTT

TT	Nội dung mục tiêu	Cơ quan chủ trì theo dõi, đôn đốc	Cơ quan thực hiện
3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%.	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các doanh nghiệp sở, ban, ngành, địa phương
4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp
5	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương
6	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; doanh nghiệp
8	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, địa phương
9	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, địa phương
10	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, địa phương; các trường đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp
11	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương; các trường Tiểu học, THCS, THPT

**PHỤ LỤC 02:**  
**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 4181 /KH-UBND ngày 07 /12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ</b>			
1	Hoàn thiện thể chế			
1.1	Rà soát, đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền ban hành của tỉnh nhằm tạo môi trường, điều kiện thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương	2023 - 2025
1.2	Nghiên cứu ban hành chính sách, quy định thúc đẩy các hoạt động trực tuyến diễn ra nhiều hơn, rẻ hơn, nhanh hơn, dễ dàng hơn và an toàn hơn; quy định quản lý và phát triển kinh tế số, xã hội số; quy định về hoạt động của các nền tảng số, dịch vụ số và giao dịch trực tuyến; cụ thể hóa các quy định của pháp luật về phát triển kinh tế số, xã hội số để áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh (theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương).	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2023 - 2025
2	Phát triển hạ tầng số và hạ tầng thiết yếu phục vụ kinh tế số và xã hội số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
3	Phát triển nền tảng số			
3.1	Xây dựng các nền tảng số để người dân, doanh nghiệp tương tác với chính quyền các cấp và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
3.2	Triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
4	Phát triển dữ liệu			
4.1	Tập trung phát triển dữ liệu của các ngành, lĩnh vực ưu tiên thực hiện chuyển đổi số theo Kế hoạch số 1282/KH-UBND ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Các sở, ban, ngành, địa phương		2022 - 2025
4.2	Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2023
5	Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
6	Phát triển nguồn nhân lực số			
6.1	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
6.2	Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
6.3	Phát triển mạng lưới hệ thống thư viện điện tử.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
7	Phát triển kỹ năng số, công dân số và văn hóa số			
7.1	Triển khai nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) để người dân tự học các kỹ năng số hướng tới phổ cập kỹ năng số trong toàn dân.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2023
7.2	Triển khai các chương trình phát triển văn hóa số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Cơ quan chủ trì thực hiện</b>	<b>Cơ quan phối hợp thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
8	Phát triển doanh nghiệp số			
8.1	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2022 - 2025
8.2	Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2023
8.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể phát triển thương mại điện tử.	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2022 - 2025
9	Phát triển thanh toán số			
9.1	Triển khai các chiến lược, đề án quốc gia về thanh toán số.	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2022 - 2025
9.2	Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước tỉnh	Các sở, ban, ngành, địa phương; các doanh nghiệp	2022 - 2025
<b>II</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>			
1	Tổ chức, bộ máy			
1.1	Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của tỉnh và các sở, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông; các sở, ban, ngành, địa phương		2022 - 2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện
1.2	Triển khai các hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
1.3	Rà soát, đánh giá và bố trí phù hợp nguồn nhân lực làm công tác tham mưu, tổ chức triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2023
2	Liên kết, hợp tác và nghiên cứu, phát triển			
2.1	Tăng cường trao đổi, học tập kinh nghiệm, liên kết hợp tác với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát triển kinh tế số, xã hội đạt kết quả để tham khảo, áp dụng triển khai phù hợp trong tỉnh.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
2.2	Đẩy mạnh hợp tác giữa tổ chức, cơ quan nhà nước với các Viện nghiên cứu, Trường đại học, doanh nghiệp công nghệ số trong nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Các sở, ban, ngành, địa phương	Các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ số	2022 - 2025
2.3	Triển khai các chương trình, hoạt động nghiên cứu, phổ biến, ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, địa phương	2022 - 2025
3	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, địa phương; Báo Bình Thuận; Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	2022 - 2025